

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN THÀNH  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST  
Ngày 18-7-2017  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Bảo Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Bá Thịnh  
2. Bà Phạm Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Liên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 167/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐ-HPT ngày 16 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị H**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: **Ấp x, xã y, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Cao Xuân A**, Địa chỉ: **Tổ x, thôn y, xã z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:*

Bà và ông Cao Xuân A Chúng tìm hiểu nhau được 02 năm thì đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào ngày 10 tháng 11 năm 2006. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, hai bên có tổ chức đám cưới trong năm 2006. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại địa chỉ Tổ x, thôn y, xã z, huyện Tân Thành, tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc tuy nhiên đến khoảng 2010 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do bắt nguồn từ việc Ông A ham mê cờ bạc, rệu rã không quan tâm tới gia đình. Ông A do cờ bạc nên phải bán nhà trả nợ nên khoảng tháng 6 năm 2016, bà đã dẫn theo cháu T đến Ấp x, xã y, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, sinh sống.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao Xuân A.

Về con chung: Bà và Ông A có 02 con chung, tên các cháu là Cao Xuân Đ – Sinh ngày 06-9-2007; Cao Thị Thùy T- Sinh ngày 18-7-2011. Khi ly hôn bà xin nuôi 02 con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng/2 cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà H thay đổi yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu Tòa án giao con chung tên cháu Cao Xuân Đ – Sinh ngày 06-9-2007 cho ông Cao Xuân A trực tiếp nuôi đến khi trưởng thành, giao con chung tên Cao Thị Thùy T - Sinh ngày 18-7-2011 cho bà nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

*Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Cao Xuân A trình bày:*

Ông xác nhận lời trình bày của Bà H về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống và con chung là đúng sự thật nên không bổ sung gì thêm.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông thừa nhận vào năm 2015, do ông nợ nần từ cờ bạc và đã phải bán nhà trả nợ khiến Bà H tự dẫn cháu T ra ngoài sinh sống để lại cháu Đ cho ông nuôi dưỡng. Sau khi Bà H bỏ đi ông rất ân hận về việc làm của mình nên nhiều lần đi tìm Bà H và đề nghị hai vợ chồng hòa giải để tiếp tục chung sống với nhau nhưng Bà H không đồng ý. Ông và Bà H đã ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay.

Về yêu cầu ly hôn của Bà H: Do ông vẫn còn tình cảm với Bà H nên ông không đồng ý ly hôn với Bà H. Ông mong Bà H cho ông cơ hội. Nếu vợ chồng đoàn tụ ông hứa sẽ thay đổi và chăm lo cho cuộc sống gia đình cũng như con cái.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn ông đề nghị:

Về con chung: Ông xin nuôi 02 con chung là cháu Cao Xuân Đ – Sinh ngày 06-9-2007; Cao Thị Thùy T- Sinh ngày 18-7-2011 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa tuy ông Cao Xuân A vắng mặt không có lý do nhưng Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã giao giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Cao Xuân A theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Cao Xuân A theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình Thily, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông Cao Xuân A không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án nên đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Bà Đặng Thị H yêu cầu ly hôn với ông Cao Xuân A, có địa chỉ tại Tổ x, thôn y, xã z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”.

[2]*Về điều kiện và quan hệ hôn nhân:* Bà H và Ông A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35/TLKH- ngày 10-11-2006 nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[3]*Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

*Về tình cảm:* Tuy Ông A vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình làm việc tại Tòa án, Bà H và Ông A đều thừa nhận mâu thuẫn do vào năm 2016, Ông A nợ nần từ cờ bạc và đã phải bán nhà trả nợ khiến Bà H tự dẫn cháu T ra ngoài sinh sống đồng thời ông và Bà H đã ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Lời thừa nhận trên của Ông A được coi là tình tiết chứng cứ không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và cũng phù hợp với lời khai người làm chứng là bố mẹ Ông A là bà Trịnh Thị K và ông Cao Xuân L nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa Bà H, Ông A là có thật và cả hai đã có thời gian ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay.

Theo Điều 18 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định “*Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững*” nên việc Ông A ham mê cờ bạc, không chăm lo đến gia đình đã ảnh hưởng đến việc xây dựng gia đình cũng như tình cảm vợ chồng giữa Bà H và Ông A và được coi nguyên nhân mâu thuẫn và lỗi thuộc về Ông A. Theo khoản 2 Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt*

*động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”, nên việc Ông A và Bà H sống ly thân từ tháng 6-2016 cho thấy hôn nhân giữa Bà H, Ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử đồng ý cho Bà H được ly hôn với Ông A là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

*Về con chung:*

Điều kiện chăm sóc con chung: Theo xác minh của Tòa án thì Bà H đang làm công việc hớt tóc và thuê trọ tại Ấp x, xã y, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng /1 tháng, cháu T được Bà H nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Ông A đang làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng QT, có mức lương cơ bản và phụ cấp là 10.600.000 đồng/1 tháng (mười triệu sáu trăm nghìn). Theo ông Nguyễn Xuân Đ, Trưởng thôn x, xã y, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, cho biết cháu Cao Xuân Đ đang ở cùng Ông A và bố mẹ Ông A và được gia đình Ông A chăm sóc nuôi dưỡng tốt.

Xét thấy cả Ông A và Bà H đều có nguyện vọng nuôi con và cả hai cũng có đủ điều kiện chăm sóc con chung. Đồng thời cháu T đang sống chung cùng Bà H, cháu Đ sống cùng Ông A nên theo nguyện vọng của con chung, cũng như để tạo điều kiện ổn định về mặt tâm lý, không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiếp tục giao cháu T cho Bà H và giao cháu Đ cho Ông A, nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Do Bà H và Ông A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Tại phiên tòa Bà H và Ông A không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không thiếu nợ ai nên Tòa án không xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Đặng Thị H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H.

*Về hôn nhân:* Bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Cao Xuân A.

*Về con chung:* Bà Đặng Thị H và ông Cao Xuân A có 02 con chung, tên Cao Xuân Đ – Sinh ngày 06/9/2007; Cao Thị Thùy T- Sinh ngày 18/7/2011.

Sau khi ly hôn giao con chung tên Cao Xuân Đ cho ông Cao Xuân A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), giao con chung tên Cao Thị

Thùy T cho bà Đặng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà H và Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông A, Bà H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở Ông A, Bà H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

*Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Đặng Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005114 ngày 25-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT, VKSND H.Tân Thành;
- THADS H. Tân Thành;
- UBND xã Châu Pha, huyện Tân Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Bảo Ngọc**